

Số: 81/XNK-CBTT

An Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
 - Mã chứng khoán: **AGM**
 - Địa chỉ: Số 01 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Điện thoại: 0296. 3844 669 - 9999 999 Fax: 0296.3843 239.
 - E-mail: info@angimex.com
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo Tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán.
 - Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán.
 - Giải trình Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2023 đã kiểm toán.
Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán.
Giải trình về ý kiến của Công ty kiểm toán.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày 28/03/2025 tại địa chỉ: <http://www.angimex.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán.
- Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.
- Văn bản số 80/XNK-TCKT ngày 28/03/2025 về việc: (1) Giải trình Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2023 đã kiểm toán, (2) Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và (3) Giải trình về ý kiến của Công ty kiểm toán.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu: VT, Người ký

CÔNG
TY CP
XUẤT
NHẬP
KHẨU AN
GIANG

Digitally signed by CÔNG
TY CP XUẤT NHẬP
KHẨU AN GIANG
DN: C=VN, S=AN GIANG,
L=Huyện Châu Thành,
CN=CÔNG TY CP XUẤT
NHẬP KHẨU AN GIANG,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:1600230737
Reason: I am the author
of this document
Location: vnpt1234
Date: 2025-03-28 14:19:
34
Foxit Reader Version:
9.3.0

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lương Đức Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
AN GIANG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 54

T.Ư.Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600230737 thay đổi gần nhất là lần thứ 29 ngày 21 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là "AGM" theo quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 09 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 VND.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
- Điện thoại: 0296.3841548 - 3844920
- Fax: 0296.3843239 - 3945565
- Website: www.angimex.com.vn

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xay xát thóc lúa và sản xuất bột thô;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Ho và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Lê Tiến Thịnh	Chủ tịch	
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Chu Văn Dũng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên	

Ủy Ban Kiểm toán

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bỏ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Chu Văn Dũng	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Võ Kim Nguyên	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bỏ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Lương Đức Tâm	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2024
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2024
Ông Bùi Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 09 năm 2024

Đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm hiện tại là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bỏ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Lương Đức Tâm	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2024
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2024

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngõ Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 491.231.315.648 VND vượt vốn chủ sở hữu là 309.231.315.648 VND và tại ngày đó, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.056.321.454.152 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị đã lập kế hoạch về lợi nhuận và đang làm việc với các tổ chức tín dụng để tái cấu trúc lại nguồn vốn vay. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

8. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Ông LƯƠNG ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025



Số: 196/2025/BCKT-HCM.01504

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 54 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.3 của thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 20/02/2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp. Vào ngày 10/03/2023, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASC0. Tại ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp không còn là công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Khánh Tây Đô chưa thực hiện thanh toán đầy đủ khoản chuyển nhượng vốn góp theo thỏa thuận của Hợp đồng nêu trên với số tiền còn nợ là 17.000.000.000 VND, tương ứng 34% giá mua.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đã nộp đơn tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến cơ quan Cảnh sát Điều Tra Công An tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp tương ứng với số nợ không đòi được.

Bên cạnh đó, như đã nêu tại mục 5.4.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thúy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022 với tổng giá trị hợp đồng là 182.600.000.000 VND, số tiền đã trả trước cho Bà Huỳnh Thị Thúy Vy là 179.040.016.890 VND và đã được Hội đồng Quản trị thông qua. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên Công ty theo Công văn số 531/STNMT-QLĐĐ ngày 14/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh tại mục 5.20.1 trong Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có trái phiếu đến hạn thanh toán gốc là lãi trái phiếu. Tuy nhiên, đến ngày phát hành báo cáo này Công ty vẫn chưa thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu trên do tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn, Công ty hiện chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán lãi các kỳ hạn của hai gói Trái phiếu AGMH2123001 và AGMH2223001. Vào ngày 24/07/2024, Công ty Angimex nhận được các quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang liên quan đến trái chủ của mã trái phiếu AGMH2123001. Căn cứ vào bản án số 325/2024/DS-PT và bản án số 325/2024/DS-PT ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang về việc "Tranh chấp giao dịch mua bán trái phiếu" và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 05/2025/QĐ-SCBSBA và quyết định số 06/2025/QĐ-SCBSBA ngày 19/02/2025 yêu cầu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) phải trả gốc, lãi và các phí khác có liên quan theo bản án cho các trái chủ được nêu trong bản án nêu trên.

Như đã nêu tại mục 1.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, do tình hình kinh doanh khó khăn nên hai Công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành và Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp đã tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh mà chuyển sang cho thuê nhà máy, tài sản.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh tại mục 9.4 trong Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 491.231.315.648 VND vượt vốn chủ sở hữu là 309.231.315.648 VND và tại ngày đó, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.056.321.454.152 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác nêu trong Thuyết minh mục 9.4, cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 03 năm 2024, về các nội dung sau:

- + Ngoại trừ do kiểm toán viên chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận của các khoản nợ phải thu khách hàng, Trả trước cho người bán và khả năng hoạt động liên tục của Công ty.
- + Nhấn mạnh về khoản phải thu từ chuyển nhượng vốn góp chưa thu hồi được và đã được đưa ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp để tiến hành xử lý và khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào Công ty liên kết căn cứ theo báo cáo tài chính tự lập.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

LÂM HOÀI NHÂN
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5907-2023-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.243.362.223	200.954.526.449
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.562.302.555	4.695.361.755
Tiền	111		1.091.604.518	4.695.361.755
Các khoản tương đương tiền	112		2.470.698.037	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	8.828.400.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	8.828.400.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.105.358.651	180.154.772.474
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	146.470.630.474	190.163.186.743
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4.1	59.330.988.266	39.653.811.600
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.7	3.280.000.000	1.700.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	9.786.560.011	9.940.437.539
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(116.762.820.100)	(61.302.663.408)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.8	209.570.142	5.622.489.393
Hàng tồn kho	141		5.315.427.193	5.622.489.393
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.105.857.051)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.366.130.875	1.653.502.827
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	60.103.336	81.332.176
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.306.027.539	1.313.764.024
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	258.406.627
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		761.221.587.485	817.949.053.048
Các khoản phải thu dài hạn	210		193.041.016.890	193.258.632.118
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4.2	193.040.016.890	193.240.016.890
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	1.000.000	18.615.228
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		289.196.840.953	281.660.383.928
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	79.215.499.161	64.152.715.504
Nguyên giá	222		242.117.655.460	240.437.819.874
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(162.902.156.299)	(176.285.104.370)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	76.889.385.312	82.768.165.836
Nguyên giá	225		91.045.137.627	91.045.137.627
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(14.155.752.315)	(8.276.971.791)
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	133.091.956.480	134.739.502.588
Nguyên giá	228		141.071.751.006	141.071.751.006
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.979.794.526)	(6.332.248.418)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.117.000.000	1.117.000.000
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	1.117.000.000	1.117.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.16	274.474.844.237	336.944.927.828
Đầu tư vào công ty con	251		502.270.043.246	487.319.608.849
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		104.576.148.000	116.076.148.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.455.750.000	323.950.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(338.827.097.009)	(266.774.779.021)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.391.885.405	4.968.109.174
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	3.391.885.405	4.968.109.174
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		869.464.949.708	1.018.903.579.497

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.178.696.265.356	1.102.016.496.183
Nợ ngắn hạn	310		1.164.564.816.375	1.069.095.969.410
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	88.484.596.447	61.782.292.708
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	6.111.437.334	6.109.321.614
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	1.458.276.932	154.137.233
Phải trả người lao động	314		283.983.410	515.719.420
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	158.340.766.981	83.720.457.475
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	26.133.973.945	25.749.932.798
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	879.250.538.709	886.607.771.560
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.22.1	579.068.125	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.21	3.922.174.492	4.456.336.602
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		14.131.448.981	32.920.526.773
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	720.200.000	668.200.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	12.075.150.965	30.675.378.757
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.22.2	1.336.098.016	1.576.948.016
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(309.231.315.648)	(83.112.916.686)
Vốn chủ sở hữu	410	5.23	(309.231.315.648)	(83.112.916.686)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(491.231.315.648)	(265.112.916.686)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(265.112.916.686)	(52.688.849.284)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(226.118.398.962)	(212.424.067.402)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		869.464.949.708	1.018.903.579.497



LÂM TÚ NGỌC
Người lập biểu

TRẦN THỊ CẨM CHÂM
Kế toán trưởng



LƯƠNG ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	113.321.124.778	306.783.814.740
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		113.321.124.778	306.783.814.740
Giá vốn hàng bán	11	6.2	119.293.740.650	285.833.462.531
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.972.615.872)	20.950.352.209
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.301.071.086	41.609.946.036
Chi phí tài chính	22	6.4	177.417.021.505	226.292.306.348
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		88.096.760.884	97.179.717.806
Chi phí bán hàng	25	6.5	3.550.796.330	7.875.214.418
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	66.948.046.021	37.717.875.523
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(240.587.408.642)	(209.325.098.044)
Thu nhập khác	31	6.7	15.170.829.059	28.519.062.381
Chi phí khác	32	6.8	701.819.379	31.618.031.739
Lợi nhuận khác	40		14.469.009.680	(3.098.969.358)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(226.118.398.962)	(212.424.067.402)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.17	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(226.118.398.962)	(212.424.067.402)



LÂM TÚ NGỌC
Người lập biểu

TRẦN THỊ CẨM CHÂM
Kế toán trưởng



LƯƠNG ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025

14
N
11
11

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(226.118.398.962)	(212.424.067.402)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		13.593.193.362	14.826.737.752
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		136.414.746.132	112.523.426.435
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		839.313.882	7.732.474.985
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(27.043.011.402)	(15.813.039.477)
Chi phí lãi vay	06		88.096.760.884	97.179.717.806
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(14.217.396.104)	4.025.250.099
<hr/>				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.204.522.269)	(21.363.146.219)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		307.062.200	29.290.839.816
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		27.151.043.990	29.842.586.813
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.597.452.609	2.446.294.233
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	62.505.203.375
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.690.610.858)	(28.636.787.008)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(736.841.904)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.303.027	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(537.465.137)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.591.132.542)	77.373.399.205
<hr/>				
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(27.312.710.466)	(53.490.543.163)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		30.492.878.380	79.805.935.256
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.520.000.000)	(80.985.206)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		12.768.400.000	240.926.994
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(554.078.493)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.504.600.000	35.896.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.286.550.168	4.877.499.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		30.219.718.082	66.694.754.509

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
 Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	59.300.176.710	157.804.304.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(79.043.965.718)	(293.015.737.525)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	7.3	(7.017.841.105)	(8.114.807.725)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.761.630.113)	(143.326.241.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.133.044.573)	741.912.464
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.695.361.755	3.951.452.553
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.627)	1.996.738
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	3.562.302.555	4.695.361.755



LÂM TÚ NGỌC
 Người lập biểu



TRẦN THỊ CẨM CHÂM
 Kế toán trưởng




LƯƠNG ĐỨC TÂM
 Tổng Giám đốc
 An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang là công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600230737 thay đổi gần nhất là lần thứ 29 ngày 21 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là "AGM" theo quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 09 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 VND.

Trụ sở chính Công ty đặt tại Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh lương thực.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xay xát thóc lúa và sản xuất bột thô;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.5 Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Lương Thực Angimex	Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh lương thực	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Số thửa 55, tờ bản đồ 19, Xã Lương An Trà, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Kinh doanh lương thực	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex) (*)	Tổ 8, Ấp Hòa Thới, Xã Định Thành, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Kinh doanh lương thực	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Đồng Tháp (Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex) (*)	Đường ĐT852, Ấp Tân Lập, Xã Tân Quy Tây, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Kinh doanh lương thực	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex (**)	Ấp Bắc Sơn, Thị trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Sản xuất các sản phẩm từ trấu	100,00%	100,00%	100,00%

(*) Trong năm 2024, hai Công ty này không có hoạt động sản xuất kinh doanh mà chủ yếu tạm cho thuê nhà máy, kho và tài sản.

(**) Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex được thành lập ngày 18/04/2022, từ ngày thành lập đến nay Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang chưa thực hiện góp vốn vào. Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 333/NQ-HĐQT ngày 11/10/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đã ra quyết định giải thể Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex với lý do sắp xếp lại cơ cấu tổ chức. Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex đã hoàn thành thủ tục giải thể đóng mã số thuế vào ngày 27/11/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các Công ty liên doanh, liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Xuất nhập khẩu gạo	32,96%	32,96%	32,96%
Công ty Cổ phần Golden Paddy	Ấp Phú Hòa 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh lương thực	29,55%	29,55%	29,55%
Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	14 Nguyễn Văn Vĩnh, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh lương thực	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Angimex Furious	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; dịch vụ sửa chữa	49,00%	49,00%	49,00%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Kinh doanh lương thực	Tầng 4, số 353 - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 17 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 50 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

Chi phí khác chờ phân bổ

Chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 15 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 13 - 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

	Thời gian (năm)
Máy móc thiết bị	15

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Trong kỳ, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong kỳ, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- + Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- + Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Lương Thực Angimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Đồng Tháp	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Golden Paddy	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	Công ty liên kết
Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty Cổ phần An Trường An	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty Cổ phần GKM Holdings	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty TNHH Liên Hoa Đồng Tiến	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Thuận Thành	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ NTH	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Septem	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Công ty TNHH Chu Gia An Giang	Tổ chức có liên quan người nội bộ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	323.366	23.985.357
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	1.091.281.152	4.671.376.398
- VND	939.870.833	4.566.559.269
- USD (*)	151.410.319	104.817.129
Các khoản tương đương tiền (**)	2.470.698.037	-
	3.562.302.555	4.695.361.755

(*) Chi tiết số dư ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.996,21	151.410.319
		151.410.319

(**) Chi tiết số dư khoản tiền tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	31/12/2024 VND
Ngân hàng Seabank	1 tháng	3,05%	2.470.698.037
			2.470.698.037

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	8.828.400.000
	-	8.828.400.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu là các bên liên quan				
Công ty TNHH Angimex	851.763.953	-	3.989.963.953	-
Furious	-	-	1.969.394.083	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	-	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH Khánh Tây Đô (*)	17.000.000.000	(11.366.779.492)	17.000.000.000	-
Công ty Cổ phần APC Holdings	59.378.512.882	-	94.545.512.426	-
Công ty TNHH Hateco Group	24.100.000.000	(24.100.000.000)	24.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Golden Paddy Sg	23.054.500.000	(23.054.500.000)	23.054.500.000	(23.054.500.000)
Công ty TNHH Thương mại Dũng Kỳ	19.924.000.000	(19.924.000.000)	19.924.000.000	-
Các khách hàng khác	2.161.853.639	(1.740.203.240)	5.579.816.281	(1.742.126.040)
	146.470.630.474	(80.185.482.732)	190.163.186.743	(24.796.626.040)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(*) Đây là khoản nợ liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp. Vào ngày 20/02/2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp. Vào ngày 10/03/2023, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. Tại ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp không còn là công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Khánh Tây Đô chưa thực hiện thanh toán đầy đủ khoản chuyển nhượng vốn góp theo thỏa thuận của Hợp đồng nêu trên với số tiền còn nợ là 17.000.000.000 VND, tương ứng 34% giá mua.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đã nộp đơn tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến cơ quan Cảnh Sát Điều Tra Công An tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp tương ứng với số nợ không đòi được.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	22.195.459.874	-	-	-
Công ty Cổ phần An Trường An - Chi nhánh Hồ Chí Minh	237.164.909	-	-	-
Trả trước cho người bán khác				
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	36.169.390.000	(36.169.390.000)	36.169.390.000	(36.169.390.000)
Các nhà cung cấp khác	728.973.483	-	3.484.421.600	-
	59.330.988.266	(36.169.390.000)	39.653.811.600	(36.169.390.000)

5.4.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán khác				
Bà Huỳnh Thị Thúy Vy (*)	179.040.016.890	-	179.240.016.890	-
Ông Lưu Minh Sĩ (**)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	193.040.016.890	-	193.240.016.890	-

(*) Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thúy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022.

Nhà máy Hoàng Long tại Đồng Tháp trực thuộc Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex đặt tại Ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đều liên quan đến 06 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên và đang được Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên Công ty theo Công văn số 531/STNMT-QLĐĐ ngày 14/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiết khoản trả trước cho Bà Huỳnh Thị Thúy Vy như sau:

Số tiền đã trả trước đến ngày 31/12/2024:	179.040.016.890 VND
Số tiền theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022:	182.600.000.000 VND
Trong đó:	
Số tiền theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021:	151.000.000.000 VND
Số tiền theo Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022:	31.600.000.000 VND

Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28/12/2021 và phụ lục hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21/07/2022 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt bằng hình thức văn bản. Quyền sử dụng đất, Công trình xây dựng trên đất liên quan đã được bà Huỳnh Thị Thúy Vy thế chấp đảm bảo Tráiphíếu AGMH2223001. (Xem thêm tại Thuyết minh số 5.21.1)

- (**) Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất có diện tích 17.831 m2 tại Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 19, Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang với Ông Lư Minh Sĩ theo Biên bản thỏa thuận ký ngày 25/12/2021. Tài sản này hiện tại đang được thế chấp tại Ngân hàng BIDV.

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH Angimex Furious	-	-	14.040.054	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	-	-	1.386.672	-
Đối tượng khác - tạm ứng	-	-	90.000.000	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Thuế GTGT tài sản góp vốn	5.363.636.364	-	5.363.636.364	-
Tạm ứng cán bộ nhân viên	775.512.493	-	1.872.568.613	-
Thuế GTGT được khấu trừ cửa tài sản thuê tài chính chờ ghi nhận	1.117.989.223	-	1.234.172.992	-
Công ty Bảo hiểm MIC Thống Nhất (*)	1.879.394.000	-	-	-
Các đối tượng khác - phải thu khác	650.027.931	(407.947.368)	1.364.632.844	(336.647.368)
	9.786.560.011	(407.947.368)	9.940.437.539	(336.647.368)

- (*) Đây là khoản phải thu tạm tính bồi thường tổn thất Dây chuyền xát trắng lao bóng gạo (18 tấn/h - 30 tấn/h) đến ngày 31/12/2024. Theo kết quả giám định ngày 06/03/2025 của Công ty Cổ phần giám định Vina Pacific giá trị tổn thất tạm tính để bồi thường là 1.300.325.875 VND và công ty đã dự phòng tổn thất đến ngày 31/12/2024 là 579.068.125 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Các đối tượng khác - phải thu khác	1.000.000	-	18.615.228	-
	1.000.000	-	18.615.228	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm				
Công ty TNHH Khánh Tây Đô	17.000.000.000	5.633.220.508	-	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	36.169.390.000	-	36.169.390.000	-
Các đối tượng khác	-	-	2.924.000	877.200
Quá hạn trên 3 năm				
Công ty TNHH Hateco Group	24.100.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dũng Kỳ	19.924.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Golden Paddy Sg	23.054.500.000	-	23.054.500.000	-
Các đối tượng khác	2.148.150.608	-	2.076.726.608	-
	122.396.040.608	5.633.220.508	61.303.540.608	877.200

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Vào ngày 01/01/2024	(25.133.273.408)	(36.169.390.000)	(61.302.663.408)
Trích dự phòng bổ sung trong năm	(55.460.156.692)	-	(55.460.156.692)
Vào ngày 31/12/2024	(80.593.430.100)	(36.169.390.000)	(116.762.820.100)

5.7 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức khác				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lê Phúc Khang (*)	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp công nghệ cao Angimex (**)	1.580.000.000	-	-	-
	3.280.000.000	-	1.700.000.000	-

(*) Đây là khoản cho vay ngắn hạn với thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm và cho vay không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản cho vay ngắn hạn với thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 12%/năm và cho vay không có tài sản đảm bảo.

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	386.056.083	(351.575.352)	500.746.050	-
Công cụ dụng cụ	4.895.459.580	(4.721.722.080)	4.977.046.382	-
Thành phẩm	33.911.530	(32.559.619)	144.696.961	-
	5.315.427.193	(5.105.857.051)	5.622.489.393	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ, dụng cụ	2.093.336	6.049.997
Chi phí thay thế, sửa chữa và khác	58.010.000	75.282.179
	60.103.336	81.332.176

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí san lấp mặt bằng	2.767.635.824	2.856.449.540
Công cụ, dụng cụ	20.199.413	18.623.037
Chi phí khác	604.050.168	2.093.036.597
	3.391.885.405	4.968.109.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.10 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2024	103.805.178.280	120.679.495.013	5.526.614.594	10.426.531.987	240.437.819.874
Mua sắm trong năm	-	21.221.387.466	-	6.091.323.000	27.312.710.466
Góp vốn bằng tài sản	(20.350.434.397)	-	-	(245.195.000)	(20.595.629.397)
Thanh lý, nhượng bán	(2.312.395.261)	(2.034.978.222)	-	(65.320.000)	(4.412.693.483)
Giảm khác	(624.552.000)	-	-	-	(624.552.000)
Vào ngày 31/12/2024	<u>80.517.796.622</u>	<u>139.865.904.257</u>	<u>5.526.614.594</u>	<u>16.207.339.987</u>	<u>242.117.655.460</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2024	67.996.987.961	96.654.076.437	5.334.436.359	6.299.603.613	176.285.104.370
Khấu hao trong năm	1.769.310.318	3.414.258.901	134.813.652	748.483.859	6.066.866.730
Góp vốn bằng tài sản	(14.656.256.092)	-	-	-	(14.656.256.092)
Thanh lý, nhượng bán	(2.312.395.261)	(1.791.291.448)	-	(65.320.000)	(4.169.006.709)
Giảm khác	(624.552.000)	-	-	-	(624.552.000)
Vào ngày 31/12/2024	<u>52.173.094.926</u>	<u>98.277.043.890</u>	<u>5.469.250.011</u>	<u>6.982.767.472</u>	<u>162.902.156.299</u>
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2024	<u>35.808.190.319</u>	<u>24.025.418.576</u>	<u>192.178.235</u>	<u>4.126.928.374</u>	<u>64.152.715.504</u>
Vào ngày 31/12/2024	<u>28.344.701.696</u>	<u>41.588.860.367</u>	<u>57.364.583</u>	<u>9.224.572.515</u>	<u>79.215.499.161</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Vào ngày 01/01/2024	<u>43.994.965.616</u>	<u>60.796.830.735</u>	<u>3.496.835.503</u>	<u>5.184.408.276</u>	<u>113.473.040.130</u>
Vào ngày 31/12/2024	<u>30.943.034.591</u>	<u>60.080.852.513</u>	<u>4.340.735.503</u>	<u>5.119.088.276</u>	<u>100.483.710.883</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một phần máy móc thiết bị của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

5.11 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2024	91.045.137.627	91.045.137.627
Vào ngày 31/12/2024	91.045.137.627	91.045.137.627
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2024	8.276.971.791	8.276.971.791
Khấu hao trong năm	5.878.780.524	5.878.780.524
Vào ngày 31/12/2024	14.155.752.315	14.155.752.315
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2024	82.768.165.836	82.768.165.836
Vào ngày 31/12/2024	76.889.385.312	76.889.385.312

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

5.12 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2024	140.114.253.006	957.498.000	141.071.751.006
Vào ngày 31/12/2024	140.114.253.006	957.498.000	141.071.751.006
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2024	5.655.022.780	677.225.638	6.332.248.418
Khấu hao trong năm	1.584.843.552	62.702.556	1.647.546.108
Vào ngày 31/12/2024	7.239.866.332	739.928.194	7.979.794.526
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2024	134.459.230.226	280.272.362	134.739.502.588
Vào ngày 31/12/2024	132.874.386.674	217.569.806	133.091.956.480
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Vào ngày 01/01/2024	-	261.375.000	261.375.000
Vào ngày 31/12/2024	-	261.375.000	261.375.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một phần Quyền sử dụng đất của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và trái phiếu.

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Hệ thống thùng chứa băng tải Nhà máy Long Xuyên, Nhà máy Đa Phước	1.117.000.000	1.117.000.000
	1.117.000.000	1.117.000.000

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Lương thực Angimex	39.468.481.099	33.021.009.818
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Đồng Tháp	118.000.000	128.000.000
Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành	39.828.100.919	21.415.493.399
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông Nghiệp Đồng Tháp	2.143.825.369	2.143.825.369
Các nhà cung cấp khác (*)	6.926.189.060	5.073.964.122
	88.484.596.447	61.782.292.708

(*) Trong đó, số dư nguyên tệ là 6.099,50 USD tương ứng với số tiền là 155.848.325 VND.

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Nguyên tệ USD	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Trả trước của các tổ chức, cá nhân khác</i>			
Carolina Marketing	52.075,00	1.177.415.750	1.177.415.750
Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông Nghiệp Đồng Tháp		3.489.395.139	3.489.395.139
Các khách hàng khác (*)		1.444.626.445	1.442.510.725
		6.111.437.334	6.109.321.614

(*) Trong đó, số dư nguyên tệ là 54.569,50 USD tương ứng với số tiền là 1.442.510.725 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.16 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024		Giá trị hợp lý VND	01/01/2024		Giá trị hợp lý VND
	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND		Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty con	502.270.043.246	(281.437.889.187)		487.319.608.849	(221.288.613.952)	
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	401.919.608.849	(234.704.285.068)	(*)	401.919.608.849	(176.504.517.089)	(*)
Công ty TNHH Lương Thực Angimex (**)	100.350.434.397	(46.733.604.119)	(*)	80.000.000.000	(41.566.750.587)	(*)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp Công nghệ cao Angimex	-	-	(*)	5.400.000.000	(3.217.346.276)	(*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	104.576.148.000	(57.369.257.822)		116.076.148.000	(45.466.215.069)	
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	2.951.148.000	-	(*)	2.951.148.000	-	(*)
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	-	-	(*)	11.500.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Golden Paddy	32.500.000.000	(32.500.000.000)	(*)	32.500.000.000	(32.500.000.000)	(*)
Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	9.800.000.000	(9.800.000.000)	(*)	9.800.000.000	(468.538.653)	(*)
Công ty TNHH Angimex Furious	59.325.000.000	(15.069.257.822)	(*)	59.325.000.000	(12.497.676.416)	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.455.750.000	(19.950.000)		323.950.000	(19.950.000)	
Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp - DASCO	304.000.000	-	(*)	304.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	6.131.800.000	-	(*)	-	-	(*)
HTX Nông Nghiệp Tân Mỹ Hưng	19.950.000	(19.950.000)	-	19.950.000	(19.950.000)	-
	613.301.941.246	(338.827.097.009)		603.719.706.849	(266.774.779.021)	

(*) Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024 của các khoản đầu tư này.

(**) Trong năm, Công ty đã góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình vào Công ty TNHH Lương Thực Angimex (Xem tại mục 5.10)

Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex: Kinh doanh chủ yếu là sản xuất và thương mại hàng nông sản. Vốn điều lệ đăng ký 401.919.608.849 VND, Công ty đã góp đủ 100% vốn đăng ký.

- Công ty TNHH Lương Thực Angimex Kinh doanh chủ yếu là sản xuất và thương mại hàng nông sản. Vốn điều lệ đăng ký 100.350.434.397 VND, Công ty đã góp đủ 100% vốn đăng ký.

Công ty liên kết:

- Công ty TNHH Angimex - Kitoku: Kinh doanh chủ yếu là xuất nhập khẩu gạo, vốn điều lệ đến ngày 31/12/2024 là 8.111.212.000 VND, Công ty góp vốn 2.673.455.474 VND (chiếm 32,96% vốn điều lệ).
- Công ty Cổ phần Golden Paddy: Kinh doanh chủ yếu là sản xuất và kinh doanh lương thực, vốn điều lệ đến ngày 31/12/2024 là 110.000.000.000 VND (tương ứng 11.000.000 cổ phần) Công ty nắm giữ 3.200.000 cổ phần (chiếm 29,55%).
- Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex: Kinh doanh chủ yếu là sản xuất và thương mại lương thực. Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2024 là 20.000.000.000 VND, Công ty góp vốn 9.800.000.000 VND (chiếm 49% vốn điều lệ).
- Công ty TNHH Angimex Furious: Kinh doanh chủ yếu là thương mại xe gắn máy và phụ tùng, cung cấp dịch vụ sửa xe,... Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2024 là 100.000.000.000 VND, Công ty góp vốn 49.000.000.000 VND (chiếm 49% vốn điều lệ).

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày 01 tháng 01	(266.774.779.021)	(133.560.196.679)
Trích lập dự phòng	(75.269.664.264)	(133.214.582.342)
Thoái vốn trong năm	3.217.346.276	-
Tại ngày 31 tháng 12	(338.827.097.009)	(266.774.779.021)

5.17 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	154.137.233	189.389.070	(183.046.564)	-	160.479.739
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(258.406.627)	-	2.789.831.469	(1.233.627.649)	-	1.297.797.193
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	13.000.000	(13.000.000)	-	-
	(258.406.627)	154.137.233	2.992.220.539	(1.429.674.213)	-	1.458.276.932

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(226.118.398.962)	(212.424.067.402)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	97.851.747.870	108.180.947.439
- Các khoản điều chỉnh giảm	(249.540.800)	(307.316.194)
Thu nhập được miễn thuế	(2.180.301.557)	(3.798.722.199)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	-	-

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Phải trả bên liên quan</i>		
Thủ lao Hội đồng quản trị	1.734.901.075	1.837.074.195
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Lãi tiền vay phải trả (*)	156.143.320.539	80.737.170.513
Các đối tượng khác - phải trả khác	462.545.367	1.146.212.767
	158.340.766.981	83.720.457.475

(*) Trong đó, số dư nguyên tệ là 312.969,73 USD tương ứng với số tiền là 7.996.689.571 VND, lãi trái phiếu phải trả cho các trái chủ là 147.409.152.814 VND (xem thêm tại điểm c, mục 5.20.1).

5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	1.764.788.893	1.695.892.893
Phải trả từ cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
Phải trả Công ty Cổ phần APC Holdings	18.269.040.300	18.269.040.300
Các đối tượng khác - phải trả khác	3.682.565.959	3.367.420.812
	26.133.973.945	25.749.932.798

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	720.200.000	668.200.000
	720.200.000	668.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang - VND (a)	23.510.000.000	23.510.000.000	47.344.000.000	47.344.000.000
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang - USD (a)	263.427.360.615	263.427.360.615	259.660.520.650	259.660.520.650
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phúc An Nông	2.499.999.950	2.499.999.950	-	-
Vay cá nhân (b)	4.449.071.354	4.449.071.354	5.821.530.807	5.821.530.807
Nợ dài hạn đến hạn trả				
Trái phiếu AGMH2123001 (c)	350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2223001 (d)	210.001.000.000	210.001.000.000	210.001.000.000	210.001.000.000
Vietinbank Leasing	25.363.106.790	25.363.106.790	13.780.720.103	13.780.720.103
	879.250.538.709	879.250.538.709	886.607.771.560	886.607.771.560

Chi tiết số dư khoản vay và nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Lãi suất (%/năm)	Hạn mức VND	31/12/2024 VND
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang - VND (a)	6,5%	450.000.000.000	23.510.000.000
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang - USD (a)	5,0%	450.000.000.000	263.427.360.615
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phúc An Nông	12,0%		2.499.999.950
Vay cá nhân (b)	12,0%		4.449.071.354
Nợ dài hạn đến hạn trả			
Trái phiếu AGMH2123001 (c)	7,0%		350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2223001 (d)	12,0%		210.001.000.000
Vietinbank Leasing	11,0%		25.363.106.790
			879.250.538.709

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng, doanh nghiệp và cá nhân VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	312.826.051.457	573.781.720.103	886.607.771.560
Số tiền vay trong năm	59.300.176.710	-	59.300.176.710
Số tiền vay đã trả trong năm	(79.043.965.718)	(7.017.841.105)	(86.061.806.823)
Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	-	18.600.227.792	18.600.227.792
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	804.169.470	-	804.169.470
Tại ngày 31/12/2024	293.886.431.919	585.364.106.790	879.250.538.709

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

- (a) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang, mục đích vay dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Công ty đảm bảo khoản vay bằng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng này.
- (b) Đây là khoản vay ngắn hạn cá nhân và công nhân viên của Công ty có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 12%/năm nhằm để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Hình thức vay là tín chấp.
- (c) Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 69/NQ-HĐQT ngày 08/11/2021, Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 22/12/2021 và Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT ngày 24/12/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2123001 sẽ được sử dụng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo. Ngày đáo hạn là 9/11/2023. Theo biên bản Hội nghị người sở hữu trái phiếu AGMH2123001 tổ chức ngày 03/02/2023, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2024 Công ty vẫn chưa thanh toán được lô trái phiếu này cho trái chủ.

Loại trái phiếu	: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo
Hình thức phát hành	: Bút toán ghi sổ
Mã trái phiếu	: AGMH2123001
Mệnh giá	: 1.000.000 VND/ trái phiếu
Số lượng trái phiếu	: 350.000 trái phiếu
Giá trị phát hành	: 350.000.000.000 VND
Ngày phát hành	: 09/11/2021
Ngày hoàn tất việc chào bán	: 03/01/2022
Ngày đáo hạn	: 09/11/2023
Mục đích phát hành	: Dùng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo.
Lãi suất	: Lãi suất theo OC 7%/ năm
Kỳ hạn trái phiếu	: 24 tháng
Kỳ tính lãi	: 03 tháng/ 1 lần
Đơn vị tư vấn, phát hành	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta
Tài sản đảm bảo	: Quyền sử dụng đất số BO 050088, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thửa đất số 672, tờ bản đồ số 53, đường Phan Văn Hớn, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng diện tích 6.422,7 m2 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Louis Mega Tower (Mã số DN 0316962331) và các Quyền phát sinh của Tài sản này hình thành trong tương lai. Quyền sử dụng đất số BK 453138, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thửa đất số 577 tờ bản đồ số 53, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 300 m2 thuộc sở hữu của cá nhân và các Quyền phát sinh của Tài sản này hình thành trong tương lai. Quyền sử dụng đất số CN 593539, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thửa đất số 516, tờ bản đồ số 53, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng diện tích 138 m2 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Louis Mega Tower (Mã số DN 0316962331) và các Quyền phát sinh của Tài sản này hình thành trong tương lai.
Giá trị tài sản đảm bảo	: 485.115.000.000 VND

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

- (d) Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT ngày 03/03/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2223001 sẽ được sử dụng để đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex (Công ty con, tổ chức phát hành sở hữu 100% vốn) nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến lúa gạo. Theo biên bản Hội nghị người sở hữu trái phiếu số 01/NQ-NSHTP ngày 04/07/2023 đã thông qua việc gia hạn trái phiếu AGMH2223001 đến ngày 14/09/2024. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 02/NQ-NSHTP ngày 05/02/2024, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ.

Loại trái phiếu	: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo
Hình thức phát hành	: Bút toán ghi sổ
Mã trái phiếu	: AGMH2223001
Mệnh giá	: 1.000.000 VND/ trái phiếu
Số lượng trái phiếu	: 300.000 trái phiếu
Giá trị phát hành	: 300.000.000.000 VND
Ngày phát hành	: 14/03/2022
Ngày hoàn tất việc chào bán	: 06/04/2022
Mục đích phát hành	: Dùng để góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến gạo.
Lãi suất	: Lãi suất theo Nghị quyết số 02/NQ-CSHTP ngày 05/02/2024 của trái chủ 12%/năm
Kỳ hạn trái phiếu	: 18 tháng
Kỳ tính lãi	: 03 tháng/ 1 lần
Đơn vị tư vấn, phát hành	: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Ngày đáo hạn	: Ngày đáo hạn trước khi được gia hạn 14/09/2023, Ngày đáo hạn sau khi được gia hạn 14/09/2024.
Tài sản đảm bảo	: Thửa đất số 134, Tờ bản đồ số 47, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 167,5 m ² ; Loại: SKC; Số giấy chứng nhận: DG 705594) Thửa đất số 80, Tờ bản đồ số 47, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 311 m ² ; Loại: SKC; Số giấy chứng nhận: DG 707599) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 90, Tờ bản đồ số 55, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 29.395 m ² ; Loại: SKC; Số giấy chứng nhận: DG 707595: - Quyền sử dụng đất: (29.395 m ²) - Máy móc thiết bị - Công trình xây dựng (8.496 m ²) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 91, Tờ bản đồ số 55, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 8.000 m ² ; Loại: SKC; Số giấy chứng nhận: DG 707600: - Quyền sử dụng đất: (8.000 m ²) - Công trình xây dựng (4.720 m ²) Thửa đất số 102, Tờ bản đồ số 55, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Diện tích: 2.315 m ² ; Loại: SKC; Số giấy chứng nhận: DG 707597) Thửa đất số 146, Tờ bản đồ số 14, 137 Trần Bình Trọng, Quận 5, TP. HCM (Diện tích: 134 m ² , Loại: ODT; Số giấy chứng nhận: BK 474733) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 20, Tờ bản đồ số 17, Xã Tâm Thắng, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông (Diện tích: 2.875 m ² ; Loại: ONT; Số giấy chứng nhận BC 899336) - Quyền sử dụng đất - Công trình xây dựng

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa 26, 39 Tờ bản đồ số 79, Thửa đất số 49, 106, 55, 134, 133 Tờ bản đồ số 69, Thửa đất số 6, 20 Tờ bản đồ số 68 tại ấp Thanh Niên, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang của Sở TN&MT Tỉnh An Giang cấp cho Công ty CP Louis Holdings
 Số lượng CP: 1.320.225 CP của Công ty Cổ phần Dược phẩm Lâm Đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Holdings

Giá trị tài sản đảm bảo : 337.151.684.219 VND

Tiến độ giải ngân trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu	Phương án phát hành		Thực tế	
	Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân	Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân
		VND		VND
Trái phiếu AGMH2123001				
Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp	09/11/2021	350.000.000.000	09/11/2021	350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2223001				
Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	14/03/2022	300.000.000.000	14/03/2022	300.000.000.000
Tổng cộng		650.000.000.000		650.000.000.000

Tình hình sử dụng nguồn vốn trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu	Mã Trái phiếu	Tình hình sử dụng vốn lũy kế đến ngày 31/12/2023	Tình hình sử dụng vốn trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)	Tình hình sử dụng vốn lũy kế đến ngày 31/12/2024
		VND	VND	VND
Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp	AGMH2123001 (*)	350.000.000.000	-	350.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	AGMH2223001 (**)	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Tổng cộng		650.000.000.000	-	650.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(*) Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu AGMH2123001 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền thu (VND)	Số tiền chi (VND)	Số dư
1.	Tiền thu từ phát hành trái phiếu	350.000.000.000		
2.	Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp		200.085.251.397	
2.1	Thanh toán tiền mua Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất Kho Lọc Vân		57.585.251.397	
2.2	Thanh toán tiền mua nhà xưởng theo HĐ số 03/2021/HĐMBNX/AMC-AGM		35.000.000.000	
2.3	Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo HĐ số 06/2021/HĐMBMMTB/AMC-AGM		48.500.000.000	
2.4	Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo HĐ số 07/2021/HĐMBMMTB/AMC-AGM		59.000.000.000	
3.	Phí quản lý tài sản thế chấp đảm bảo cho phát hành trái phiếu AGMH2123001		2.200.000.000	
4.	Đặt cọc cho bà Huỳnh Thị Thuý Vy để chuyển nhượng mua các Quyền sử dụng đất liên quan đến Nhà máy gạo tại Đồng Tháp		147.720.000.000	
4.1	Chuyển tiền cọc ngày 28/12/2021		105.700.000.000	
4.2	Chuyển tiền cọc ngày 07/01/2022		14.200.000.000	
4.3	Chuyển tiền cọc ngày 11/01/2022		27.820.000.000	
	Tổng cộng	350.000.000.000	350.005.251.397	(5.251.397)

(**) Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu AGMH2223001 như sau:

Ngày	Nội dung	Số tiền VND
10/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	26.000.000.000
11/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	18.600.000.000
14/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	9.600.000.000
15/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	55.000.000.000
16/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	15.500.000.000
17/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	4.800.000.000
18/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	28.100.000.000
21/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	18.700.000.000
21/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	3.000.000.000
22/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	38.300.000.000
23/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	15.300.000.000
24/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	14.300.000.000
25/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	3.700.000.000
28/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	11.100.000.000
29/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	13.900.000.000
30/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	5.700.000.000
31/03/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	13.000.000.000
01/04/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	3.150.000.000
04/04/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	1.400.000.000
04/04/2022	Góp vốn cho Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	850.000.000
	Tổng cộng nợ phát hành	300.000.000.000
	Đã thanh toán nợ gốc	(89.999.000.000)
	Nợ gốc Trái phiếu đến ngày 31/12/2024:	210.001.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tình hình thanh toán nợ trái phiếu được chi tiết như sau:

Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu	Ngày đáo hạn	Số dư lũy kế đến ngày 31/12/2023	Số tiền đã thanh toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Số dư lũy kế đến ngày 31/12/2024
		VND	VND	VND
Trái phiếu AGMH2123001		350.000.000.000	-	350.000.000.000
Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp	09/11/2023	350.000.000.000	-	350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2223001		210.001.000.000	-	210.001.000.000
Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	14/09/2024 (Ngày đáo hạn trước khi được được gia hạn là 14/09/2023)	210.001.000.000	-	210.001.000.000
Tổng cộng		560.001.000.000	-	560.001.000.000

Tình hình thanh toán lãi trái phiếu được chi tiết như sau:

Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu		Lãi Trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2023 chưa thanh toán	Lãi Trái phiếu phát sinh trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)	Lãi Trái phiếu phát lũy kế đến ngày 31/12/2024 chưa thanh toán
		VND	VND	VND
Đầu tư mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp	AGMH2123001	54.588.911.362	42.115.068.493	96.703.979.855
Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	AGMH2223001	25.436.011.534	25.269.161.425	50.705.172.959
Tổng cộng		80.024.922.896	67.384.229.918	147.409.152.814

Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thực hiện thanh toán đủ nợ gốc và lãi trái phiếu đã quá hạn thanh toán cho các Trái chủ.

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Vietinbank Leasing	30.675.378.757	30.675.378.757	42.892.197.279	42.892.197.279
Nợ dài hạn đến hạn trả	(18.600.227.792)	(18.600.227.792)	(12.216.818.522)	(12.216.818.522)
	12.075.150.965	12.075.150.965	30.675.378.757	30.675.378.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiết số dư khoản vay và nợ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	31/12/2024 VND
Vietinbank Leasing	11,0%	25 tháng	12.075.150.965
			12.075.150.965

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn trong năm như sau:

	Vay dài hạn VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	30.675.378.757	30.675.378.757
Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	(18.600.227.792)	(18.600.227.792)
Tại ngày 31/12/2024	12.075.150.965	12.075.150.965

5.21 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2024 VND	Tăng trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2024 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.456.336.602	3.303.027	(537.465.137)	3.922.174.492
	4.456.336.602	3.303.027	(537.465.137)	3.922.174.492

5.22 Dự phòng phải trả ngắn hạn, dài hạn

5.22.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	01/01/2024 VND	Trích lập trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2024 VND
Dự phòng phải trả khác	-	579.068.125	-	579.068.125
	-	579.068.125	-	579.068.125

5.22.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	01/01/2024 VND	Trích lập trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2024 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.576.948.016	-	(240.850.000)	1.336.098.016
	1.576.948.016	-	(240.850.000)	1.336.098.016

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.23 Vốn chủ sở hữu

5.23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Vào ngày 01/01/2023	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	(178.173.849.284)	129.311.150.716
Lỗ trong năm	-	-	-	(212.424.067.402)	(212.424.067.402)
Hoàn nhập các quỹ vào lợi nhuận	-	(120.464.000.000)	(5.021.000.000)	125.485.000.000	-
Vào ngày 31/12/2023	182.000.000.000	-	-	(265.112.916.686)	(83.112.916.686)
Vào ngày 01/01/2024	182.000.000.000	-	-	(265.112.916.686)	(83.112.916.686)
Lỗ trong năm	-	-	-	(226.118.398.962)	(226.118.398.962)
Vào ngày 31/12/2024	182.000.000.000	-	-	(491.231.315.648)	(309.231.315.648)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.23.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Các cổ đông khác	182.000.000.000	100,00%	182.000.000.000	100,00%
	182.000.000.000	100,00%	182.000.000.000	100,00%

5.23.3 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.200.000	18.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
	18.200.000	18.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	18.200.000	18.200.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.24 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

5.24.1 Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	1.437.163.154	861.355.425
Trên 01 năm đến 05 năm	5.748.652.616	3.445.421.700
Trên 05 năm	38.911.724.091	23.990.379.725
	46.097.539.861	28.297.156.850

5.24.2 Cam kết góp vốn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp Công nghệ cao Angimex	-	24.600.000.000
Công ty TNHH MTV Kỳ Nguyên Xanh Angimex	-	20.000.000.000
	-	44.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.24.3 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ - USD	5.996,21	4.352,87

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	93.417.719.030	274.361.992.075
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.903.405.748	32.421.822.665
	113.321.124.778	306.783.814.740

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	643.679.070	10.375.956.616
Công ty TNHH Angimex Furious	12.829.090.908	12.480.000.000
Công ty TNHH Lương thực Angimex	1.782.212.150	11.854.753.164
Công Ty TNHH Angimex - Kitoku	769.954.680	769.954.680
Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành	210.000.000	-
	16.234.936.808	35.480.664.460

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	114.187.883.599	285.833.462.531
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.105.857.051	-
	119.293.740.650	285.833.462.531

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	155.225.615	1.078.776.922
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.180.301.557	3.798.722.199
Lãi từ chuyển nhượng vốn góp	10.736.400.000	449.257.125
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	35.104.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	229.143.914	1.179.189.790
	13.301.071.086	41.609.946.036

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	88.096.760.884	97.179.717.806
Chi phí đầu tư tài chính	949.103.028	-
Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư	75.269.664.264	119.772.529.263
Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá	12.174.198.969	8.060.892.616
Chi phí khác	927.294.360	1.279.166.663.00
	177.417.021.505	226.292.306.348

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí cho nhân viên	1.862.418.980	3.702.484.674
Chi phí vật liệu, bao bì	653.536.532	1.821.153.265
Các chi phí khác	1.034.840.818	2.351.576.479
	3.550.796.330	7.875.214.418

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí cho nhân viên	5.163.538.406	6.206.654.106
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.787.513.203	5.701.517.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.845.028.754	2.014.828.919
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	55.459.279.492	17.874.047.468
Các chi phí khác	2.692.686.166	5.920.827.272
	66.948.046.021	37.717.875.523

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi thanh lý tài sản	342.676.862	-
Trong đó:		
<i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	586.363.636	-
<i>Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định</i>	(243.686.774)	-
Thu nhập từ chênh lệch do định giá giá trị góp vốn	14.656.256.092	10.733.722.298
Thu bồi thường vi phạm hợp đồng	-	14.850.314.731
Thu từ cho thuê tài sản cố định	-	1.969.394.083
Thu nhập khác	171.896.105	965.631.269
	15.170.829.059	28.519.062.381

6.8 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lỗ thanh lý tài sản	-	24.481.716.769
Trong đó:		
<i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	-	(106.865.590.636)
<i>Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định</i>	-	131.347.307.405
Chi bồi thường vi phạm hợp đồng	-	5.714.254.926
Chi phí khác	701.819.379	1.422.060.044
	701.819.379	31.618.031.739

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.441.049.735	59.963.293.655
Chi phí nhân công	7.128.648.986	10.385.094.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.564.360.026	12.857.343.669
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.526.433.782	12.188.746.846
Chi phí khác	4.419.675.716	3.767.719.385
	29.080.168.245	99.162.197.840

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	59.300.176.710	157.804.304.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	79.043.965.718	293.015.737.525

7.3 Trả nợ gốc thuê tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	7.017.841.105	8.114.807.725

7.4 Giao dịch không bằng tiền

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình vào Công ty con		
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mang đi góp vốn</i>	20.595.629.397	-
<i>Khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình mang đi góp vốn</i>	14.656.256.092	-

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Các khoản vay và nợ	879.250.538.709	12.075.150.965	891.325.689.674
Phải trả người bán	88.484.596.447	-	88.484.596.447
Phải trả khác và chi phí phải trả	184.474.740.926	720.200.000	185.194.940.926
	1.152.209.876.082	12.795.350.965	1.165.005.227.047
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Các khoản vay và nợ	886.607.771.560	30.675.378.757	917.283.150.317
Phải trả người bán	61.782.292.708	-	61.782.292.708
Phải trả khác và chi phí phải trả	109.470.390.273	668.200.000	110.138.590.273
	1.057.860.454.541	31.343.578.757	1.089.204.033.298

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố, thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.10, 5.12).

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	65.433.383.789	159.407.202.667	65.433.383.789	159.407.202.667
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	851.763.953	5.959.358.036	851.763.953	5.959.358.036
<i>Các khoản phải thu khác</i>	12.659.612.643	11.322.405.399	12.659.612.643	11.322.405.399
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	6.435.800.000	336.944.927.828	6.435.800.000	336.944.927.828
	85.380.560.385	513.633.893.930	85.380.560.385	513.633.893.930
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	891.325.689.674	917.283.150.317	891.325.689.674	917.283.150.317
Phải trả các bên liên quan	79.414.582.018	54.564.503.217	79.414.582.018	54.564.503.217
Phải trả người bán	9.070.014.429	7.217.789.491	9.070.014.429	7.217.789.491
Phải trả khác	185.194.940.926	110.138.590.273	185.194.940.926	110.138.590.273
	1.165.005.227.047	1.089.204.033.298	1.165.005.227.047	1.089.204.033.298

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương, thưởng và thù lao	1.320.351.433	2.186.040.500
Ông Nghiêm Hải Anh Chủ tịch	-	200.000.000
Ông Lê Tiến Thịnh Chủ tịch	216.822.581	-
Ông Đỗ Minh Đức Thành viên	42.466.667	-
Ông Nguyễn Đoàn Thành viên	42.466.667	-
Mạnh Hiếu		
Ông Nguyễn Hữu Phú Thành viên	12.600.000	-
Ông Lương Đức Tâm Tổng Giám đốc	148.411.560	-
Ông Huỳnh Thanh Tùng Tổng Giám Đốc	515.252.083	859.600.000
Bà Nguyễn Thị Minh Phó Tổng Giám Đốc	-	150.000.000
Hồng		
Ông Trần Vũ Đình Thi Phó Tổng Giám Đốc	-	310.084.300
Ông Quách Tất Liệt Phó Tổng Giám Đốc	-	274.006.200
Bà Trần Thị Cẩm Châm Kế toán trưởng	342.331.875	392.350.000

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh với các công ty là các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH Lương Thực Angimex		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.782.212.150	11.854.753.164
Mua hàng hóa	68.275.008.828	54.407.302.741
Góp vốn bằng tài sản cố định	20.350.434.397	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	643.679.070	10.375.956.616
Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành		
Cung cấp dịch vụ	210.000.000	-
Mua tài sản	18.377.359.466	-
Công ty TNHH Angimex - Kitoku		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	769.954.680	769.954.680
Cổ tức được chia	1.129.208.380	-
Công ty TNHH Angimex Furious		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.829.090.908	12.480.000.000
Mua hàng hóa	9.720.000.000	-
Chi phí lãi vay	-	86.485.584
Trả nợ vay	-	1.900.000.000
Công ty Cổ phần Louis Holdings		
Mua cổ phiếu	8.832.600.000	31.581.000.000
Bán cổ phiếu	7.916.390.000	32.085.600.000
Công ty Cổ phần An Trường An - Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Ứng trước chi phí thi công công trình	237.164.909	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công nợ phải thu, phải trả với các công ty là các bên liên quan xem tại mục 5.3, 5.4.1, 5.5.1, 5.14, 5.16, 5.18.

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

9.3.1 Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Kinh doanh lương thực

Khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2024	Doanh thu bán lương thực	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	93.417.719.030	19.903.405.748	113.321.124.778
Chi phí phân bổ	(113.769.392.695)	(418.490.904)	(114.187.883.599)
Kết quả kinh doanh bộ phận	(20.351.673.665)	19.484.914.844	(866.758.821)
Chi phí không phân bổ			(70.498.842.351)
Thu nhập hoạt động tài chính			13.301.071.086
Chi phí hoạt động tài chính			(177.417.021.505)
Thu nhập khác			15.170.829.059
Chi phí khác			(701.819.379)
Lợi nhuận trước thuế			(221.012.541.911)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			(221.012.541.911)
Vào ngày 31/12/2024			
Tài sản và nợ phải trả			869.464.949.708
Tài sản không phân bổ			869.464.949.708
Tổng tài sản			869.464.949.708
Nợ phải trả không phân bổ			1.178.696.265.356
Tổng nợ phải trả			1.178.696.265.356
Năm 2023			
Doanh thu thuần	274.361.992.075	32.421.822.665	306.783.814.740
Chi phí phân bổ	(285.833.462.531)	-	(285.833.462.531)
Kết quả kinh doanh bộ phận	(11.471.470.456)	32.421.822.665	20.950.352.209
Chi phí không phân bổ			(45.593.089.941)
Thu nhập hoạt động tài chính			41.609.946.036
Chi phí hoạt động tài chính			(226.292.306.348)
Thu nhập khác			28.519.062.381
Chi phí khác			(31.618.031.739)
Lợi nhuận trước thuế			(212.424.067.402)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			(212.424.067.402)
Vào ngày 01/01/2024			
Tài sản và nợ phải trả			1.018.903.579.497
Tài sản không phân bổ			1.018.903.579.497
Tổng tài sản			1.018.903.579.497
Nợ phải trả không phân bổ			1.102.016.496.183
Tổng nợ phải trả			1.102.016.496.183

9.3.2 Thông tin bộ phận theo vị trí địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng VND
Năm 2024			
Doanh thu thuần	99.343.566.118	13.977.558.660	113.321.124.778
Giá vốn hàng bán	106.907.776.706	12.385.963.944	119.293.740.650
Lãi gộp	(7.564.210.588)	1.591.594.716	(5.972.615.872)
Năm 2023			
Doanh thu thuần	291.329.380.092	15.454.434.648	306.783.814.740
Giá vốn hàng bán	272.180.062.616	13.653.399.915	285.833.462.531
Lãi gộp	19.149.317.476	1.801.034.733	20.950.352.209

9.4 Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 491.231.315.648 VND vượt vốn chủ sở hữu là 309.231.315.648 VND và tại ngày đó, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 1.056.321.454.152 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị đã lập kế hoạch về lợi nhuận và đang làm việc với các tổ chức tín dụng để tái cấu trúc lại nguồn vốn vay. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

- Ngày 12/07/2024, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang với nội dung đưa ra xét xử sơ thẩm dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt mua trái phiếu" giữa các Trái chủ Mã Trái phiếu AGMH2123001 với Angimex và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần chứng khoán BETA và Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư AZA. Thời gian mở phiên tòa ngày 24/07/2024. Đến ngày 24/07/2024, Công ty Angimex tiếp tục nhận được các quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang liên quan đến Trái chủ mã trái phiếu AGMH2123001. Căn cứ vào bản án số 325/2024/DS-PT và bản án số 325/2024/DS-PT ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang về việc "Tranh chấp giao dịch mua bán trái phiếu" và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 05/2025/QĐ-SCBSBA và quyết định số 06/2025/QĐ-SCBSBA ngày 19/02/2025 yêu cầu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) phải trả gốc, lãi và các phí khác có liên quan theo bản án cho các trái chủ được nêu trong bản án nêu trên.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 363/NQ-HĐQT ngày 19/01/2025, Hội đồng quản trị thông qua phương án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty TNHH Lương Thực Angimex từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty Cổ phần (hiện đang là Công ty con được sở hữu 100% vốn điều lệ bởi Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang) theo phương thức chủ sở hữu bán 55% phần vốn góp tại Công ty TNHH Lương Thực Angimex cho một số tổ chức, cá nhân khác qua hình thức chào bán cạnh tranh và bán cho cán bộ công nhân viên. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 375/NQ-HĐQT ngày 24/02/2025, Hội đồng quản trị thông qua chuyển nhượng toàn bộ vốn góp 49% của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang tại Công ty TNHH Angimex Furious (tương ứng 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Angimex Furious) với giá và phương thức công khai chào giá cạnh tranh qua thư và chào bán cho thành viên góp vốn của Công ty Cổ phần The Golden Group (TGG). Trong trường hợp Công ty TGG không có nhu cầu nhận chuyển nhượng, Angimex Công khai chào giá cạnh tranh cho các đối tác ngoài TGG.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính.



LÂM TÚ NGỌC
Người lập biểu



TRẦN THỊ CẨM CHÂM
Kế toán trưởng



LƯƠNG ĐỨC TÂM
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2025

